

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST.

Ngày: 07 - 7 - 2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu
2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019, về: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng DA;

Địa chỉ trụ sở chính: PDL, phường 03, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng DA;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T- Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng DA. Theo Quyết định ủy quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng DA;

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Trần Huy N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng DA - chi nhánh Thái Bình. Theo Quyết định ủy quyền số 266/QĐ-DAB-PC ngày 28/02/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng DA;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Kim T- Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng DA - chi nhánh Thái Bình. Theo Quyết định ủy quyền số 09/QĐ-DAB ngày 24/3/2020 của Giám đốc Ngân hàng DA chi nhánh Thái Bình, (có mặt).

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Phố T, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Lại Trung M, sinh năm 1983, (vắng mặt).

HKTT: Thôn S, xã V, huyện X, Thái Bình.

Hiện bỏ đi khỏi địa phương cố tình dấu địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn: Ngân hàng DA, người đại diện theo ủy quyền lại Đoàn Thị Kim T trình bày:*

Ngày 04/4/2017, Ngân hàng DA - chi nhánh Thái Bình và anh Lại Trung M ký kết 01 Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00856075-0164406001T17002 (viết tắt là Hợp đồng) nội dung như sau: Số tiền cho vay: 70.000.000 đồng; mục đích cho vay: Tiêu dùng; thời hạn cho vay: Từ ngày 04/4/2017 đến ngày 04/4/2020; lãi suất cho vay trong hạn: 7,5% tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 14,59%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả nợ vào ngày 15 hàng tháng và ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2017; hình thức bảo đảm: Tín chấp (không có tài sản bảo đảm); hợp đồng còn thỏa thuận về các điều khoản khác. Cùng ngày ký Hợp đồng, Ngân hàng DA đã giải ngân cho anh M theo Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 04/4/2017, anh M đã ký nhận.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày 04/4/2017 đến ngày 23/3/2020 anh M đã thanh toán được số tiền như sau: Nợ gốc: 54.948.623 đồng, nợ lãi: 12.131.757 đồng, tổng cộng = 67.080.380 đồng. Từ sau ngày 23/3/2020 đến nay anh M vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng DA đã đôn đốc nợ bằng hình thức: Thông báo về việc nợ quá hạn của anh Lại Trung M các ngày 02/10/2018 và 13/6/2019, nhưng anh M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ sau đó bỏ đi khỏi địa phương nên Ngân hàng DA khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DA toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2020 tổng cộng là 19.322.120 đồng, gồm: Nợ gốc: 15.051.377 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.618.243 đồng, lãi quá hạn: 652.500 đồng. Đến ngày 01/7/2020 anh M đã nộp 01 triệu đồng vào tài khoản thẻ và Ngân hàng DA đã trừ vào nợ gốc. Như

vậy tạm tính đến ngày 07/7/2020, anh M còn nợ Ngân hàng DA tổng số tiền: 18.815.299 đồng, trong đó nợ gốc: 14.051.377 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.763.922 đồng (lãi trong hạn đã chuyển thành lãi quá hạn). Anh M còn phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong với lãi suất phạt quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn và mọi chi phí phát sinh.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn đề nghị vay vốn của anh Lại Trung M, đề ngày 30/3/2017; Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00856075-0164406001T17002 ngày 04/4/2017; Bảng dự tính Ttheo Rule78 ngày 04/4/2017; Bảng sao kê chi tiết phát sinh; Bảng sao kê hoạt động của khách hàng vay từ ngày 04/4/2017 đến ngày 24/3/2020; Danh sách cho vay trả góp; Thông báo về việc nợ quá hạn của anh Lại Trung M các ngày 02/10/2018 và 13/6/2019.

Bị đơn anh Lại Trung M nghỉ việc tại Sở N tỉnh Thái Bình từ ngày 31/8/2019, bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2019. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng dân sự tại địa phương nhưng anh M vẫn vắng mặt tại Tòa án vì vậy Tòa án không thu thập được văn bản ghi ý kiến, quan điểm anh M đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA và các tài liệu, chứng cứ.

Đại diện gia đình anh Lại Trung M cung cấp như sau: Anh Lại Trung M sau khi kết hôn thì sinh sống cùng bố mẹ vợ tại phường L, thành phố B và công tác tại Sở N tỉnh Thái Bình. Năm 2019 anh M bị vợ nợ nên đã bỏ đi không sinh sống tại phường L, thành phố B và cũng không sinh sống tại Thôn S, xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình. Hiện nay anh M sinh sống và làm việc gì, tại đâu gia đình không biết. Từ khi bỏ đi anh M không liên lạc về cho gia đình. Anh M có vay nợ của cá nhân hay tổ chức nào không gia đình không biết.

** UBND xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình cung cấp:* Anh Lại Trung M có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình từ năm 2015 tại sổ hộ khẩu số 550597044, chủ hộ bà Phạm Thị M (mẹ đẻ anh M). Sau khi kết hôn đến nay anh M không chung sống tại địa phương. Anh M có vay nợ của cá nhân, tổ chức nào hay không địa phương không biết.

** Sở N tỉnh Thái Bình cung cấp:* Anh Lại Trung M công tác tại phòng Tổ chức chính quyền, Sở N từ tháng 3/2009. Tháng 7/2018 anh M xin thôi việc. Ngày 31/8/2019 anh M nghỉ việc theo nguyện vọng. Trong thời gian anh M công tác tại cơ quan, cơ quan có 01 lần xác nhận mức lương cho anh M vào năm 2017 để anh M vay tiền ngân hàng theo hình thức tín chấp bằng tài khoản lương.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Phù hợp Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không nộp bản tự khai, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA về việc buộc anh M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DA toàn bộ tiền nợ gốc và tiền nợ lãi suất theo yêu cầu.

3. Về án phí: Buộc anh M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án thấy là phù hợp pháp luật nên cần xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Tại mục 19 của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00856075-0164406001T17002, nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận ký kết: « ... Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được bằng thỏa thuận, thì hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng DA- chi nhánh Thái Bình đặt trụ sở giao dịch ... »; nội dung là tranh chấp Hợp đồng tín dụng (cho vay mục đích để tiêu dùng). Căn cứ Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

[1.2]. Về thủ tục hòa giải và thủ tục xét xử vụ án: Nguyên đơn có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án; bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng dân sự tại địa chỉ của bị đơn ghi trong Hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại Tòa án, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Xét về căn cứ pháp lý của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00856075-0164406001T17002 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) thì thấy: Khi xác lập Hợp đồng hai bên hoàn toàn tự nguyện. Nội dung Hợp đồng tín dụng quy định điều khoản, điều kiện cấp tín dụng rất rõ ràng, chi tiết, cụ thể như sau: Mục 1 Hợp đồng quy định Hạn mức vay: 70.000.000 đồng; mục 3 quy định Thời hạn cho vay: Từ ngày 04/4/2017 đến ngày 04/4/2020; mục 4 quy định Mục đích cho vay: Tiêu dùng; mục 5: Lãi suất cho vay: 5.1. Lãi suất cho vay trong hạn: 7,5% tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 14,59%/năm; 5.2. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí thanh toán trước hạn 10%; mục 10: Phương thức thanh toán: 10.1. Nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp thành 36 kỳ; ...; 10.3. Vào ngày 15 hàng tháng; 10.4. Ngày thanh toán đầu tiên: và ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2017; mục 11: Hình thức bảo đảm nợ vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm; mục 17: Các điều khoản khác; 17.1. ...; 17.4: Trường hợp các khoản này vẫn không đủ trả nợ vay cho ngân hàng, bên vay vẫn phải tiếp tục thực hiện việc trả nợ theo quy định của Hợp đồng này. Tại Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng quy định: Điều 2: 2.2. Khi đến hạn thanh toán được quy định theo Hợp đồng này mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc hoặc lãi tiền vay, ngoài số tiền của kỳ thanh toán bên vay còn phải trả lãi quá hạn như sau: $Số tiền lãi quá hạn = (số nợ gốc trễ hạn \times 150\% \text{ lãi suất trong hạn}) \times số ngày trễ hạn) / 365$; Điều 7 quy định: 7.8. Trong trường hợp bên vay vi phạm quy định các Hợp đồng và “Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng”. Ngân hàng áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận và theo quy định pháp luật để Thòi nợ ...”. Từ căn cứ trên cho thấy các bên khi ký kết hợp đồng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, nội dung của Hợp đồng phù hợp Điều 398 của Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ thì thấy: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng DA đã giải ngân ngày 04/4/2017 và anh M đã nhận giải ngân đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 70.000.000 đồng, điều này được chứng minh bằng việc anh M ký nhận nợ tại Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 04/4/2017. Quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày 04/4/2017 đến ngày 23/3/2020 anh M đã thanh toán qua tài khoản thẻ được số tiền như sau: Nợ gốc: 54.948.623 đồng, nợ lãi: 12.131.757 đồng, tổng cộng = 67.080.380 đồng, theo Bảng sao kê hoạt động của khách hàng do Ngân hàng DA cung cấp cho Tòa án. Từ sau ngày 23/3/2020 đến nay anh M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng DA đã đôn đốc nợ bằng hình thức gửi Thông báo về việc nợ quá hạn các ngày 02/10/2018 và 13/6/2019 nhưng anh M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 01/7/2020 anh M đã nộp 01 triệu đồng vào tài khoản thẻ và Ngân hàng DA đã trừ vào nợ gốc. Căn cứ vào các tài liệu trên đây cho thấy anh M có vay nợ Ngân hàng DA số tiền 70.000.000 đồng và tạm tính đến ngày 07/7/2020, anh M còn nợ Ngân hàng DA tổng số tiền: 18.815.299 đồng, trong đó nợ gốc: 14.051.377 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.763.922 đồng (lãi trong hạn đã chuyển thành lãi

quá hạn) là đúng. Như vậy anh M đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng DA yêu cầu anh M có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi suất là có căn cứ.

[2.3]. Xét việc áp dụng mức lãi suất khi cho vay nêu trên của Ngân hàng thì thấy phù hợp Hợp đồng tín dụng do hai bên đã thỏa thuận ký kết; phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó cần chấp nhận việc áp dụng mức lãi suất cho vay nêu trên của Ngân hàng DA.

[2.4]. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DA theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 07/7/2020 với tổng số tiền là 18.815.299 đồng, trong đó nợ gốc: 14.051.377 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.763.922 đồng, (lãi trong hạn đã chuyển thành lãi quá hạn).

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA được chấp nhận nên Ngân hàng DA không phải nộp tiền án phí. Anh M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng DA số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 117, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40; khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng DA về việc buộc anh Lại Trung M có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DA.

3. Buộc anh Lại Trung M, sinh năm 1983, HKTT: Thôn S, xã V, huyện X, Thái Bình, có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DA tạm tính đến ngày 07/7/2020 số tiền là: 18.815.299 đồng, trong đó nợ gốc: 14.051.377 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.763.922 đồng, (lãi trong hạn đã chuyển thành lãi quá hạn) theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00856075-0164406001T17002 được ký kết giữa Ngân hàng DA và anh Lại Trung M và theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lại Trung M phải nộp 941.000 đồng (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng DA số tiền 747.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai Tạm ứng số 0009361 ngày 25/02/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/7/2020. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hân